TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN** Bản án số: 03/2020/DS-ST Ngày: 28/02/2020 V/v tranh chấp hợp đồng mua bán	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Hải.

2. Ông Nguyễn Ngọc Thi.

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 629/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH T;

Địa chỉ trụ sở: KCN T, xã T, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông C, sinh năm: 1964 – chức vụ: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn C1, sinh năm: 1984 – chức vụ: Nhân viên phòng hành chính – nhân sự (Văn bản ủy quyền ngày 04/12/2019)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị T, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

(Ông C1, ông L, bà T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2019, bản tự khai ngày 16/01/2020 và các lời khai tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Văn C1 trình bày như sau:

Ông Nguyễn Thành L và bà Phan Thị T là vợ chồng, là chủ đại lý thức ăn thủy sản Nguyễn Thành L. Tại hợp đồng đại lý số HĐĐL2019/TS2-053 thể hiện

đại lý Nguyễn Thành L sẽ phân phối mặt hàng thức ăn tôm cho Công ty TNHH T từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH T đã giao hàng cho đại lý Nguyễn Thành L như thỏa thuận nhưng phía đại lý không thanh toán công nợ đầy đủ. Đến tháng 8/2019, hai bên chốt công nợ, đại lý Nguyễn Thành L còn nợ Công ty TNHH T số tiền 365.950.000 đồng. Ngày 26/12/2019, ông Nguyễn Thành L có thanh toán cho Công ty TNHH T số tiền 100.000.000 đồng. Do đó, còn nợ lại số tiền 265.950.000 đồng. Nay Công ty TNHH T yêu cầu ông Nguyễn Thành L và vợ là bà Phan Thị T cùng trả cho Công ty TNHH T số tiền: nợ gốc 265.950.000 đồng. Nếu ông L và bà T đồng ý trả ngay cho Công ty TNHH T số tiền trên thì không yêu cầu tính lãi. Nếu không đồng ý thì yêu cầu tính lãi suất 0.75%/tháng tính từ ngày 01/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- *Tại phiên hòa giải ngày 10/02/2020 và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Thành L trình bày:* Bà Phan Thị T là vợ của ông. Vợ chồng ông là chủ đại lý thức ăn thủy sản Nguyễn Thành L. Từ ngày 01/01/2019 đến tháng 8/2019, đại lý của ông có phân phối thức ăn tôm cho Công ty TNHH T. Quá trình thực hiện hợp đồng thì đại lý của ông còn nợ lại Công ty TNHH T số tiền 265.950.000 đồng. Nay vợ chồng ông đồng ý trả cho Công ty TNHH T số tiền nợ mua bán thức ăn tôm như trên nhưng yêu cầu được trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ do hiện nay việc làm ăn mua bán của ông gặp khó khăn. Đại lý Nguyễn Thành L do vợ chồng anh làm chủ là chỉ treo bảng để kinh doanh chứ không có đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kinh doanh.

- *Tại phiên hòa giải ngày 10/02/2020 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T trình bày:* Bà đồng ý với phần trình bày của ông L. Do vợ chồng bà bán thức ăn nuôi tôm chưa thu hồi được tiền nợ nên hiện nay không có khả năng trả nợ liền cho Công ty TNHH T. Bà đồng ý cùng ông L trả cho Công ty số tiền còn nợ trên nhưng yêu cầu được trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Công ty TNHH T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thành L và bà Phan Thị T là vụ kiện "Tranh chấp hợp đồng mua bán" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 3 Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Công ty TNHH T và ông Nguyễn Thành L ký hợp đồng đại lý số HĐĐL2019/TS2-053 về việc phân phối thức ăn tôm. Do đó, từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019 Công ty TNHH T đã giao hàng cho đại lý Nguyễn Thành L như thỏa thuận nhưng phía đại lý không thanh toán công nợ đầy đủ. Đến tháng 8/2019, hai bên chốt công nợ, đại lý Nguyễn Thành L còn nợ Công ty TNHH T số tiền 365.950.000 đồng. Ngày 26/12/2019, ông Nguyễn Thành L có thanh toán cho Công ty TNHH T số tiền 100.000.000 đồng. Do đó, còn nợ lại số tiền 265.950.000 đồng.

[2.2] Ông Nguyễn Thành L và bà Phan Thị T thừa nhận còn nợ lại Công ty TNHH T số tiền 265.950.000 đồng. Ông L và bà T đồng ý trả cho Công ty TNHH T số tiền nợ mua bán thức ăn tôm như trên nhưng yêu cầu được trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên Công ty TNHH T không đồng ý.

[2.3] Về lãi suất: Công ty TNHH T yêu cầu ông Nguyễn Thành L và bà Phan Thị T phải trả lại suất là 0,75%/tháng trên số tiền 265.950.000 đồng là phù hợp. Thời gian tính từ ngày 01/9/2019 đến ngày xét xử 28/02/2020 là 05 tháng 27 ngày. Thành tiền là 265.950.000 đồng x 0,75% x 5 tháng 27 ngày = 11.768.000 đồng.

[2.4] Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T. Buộc ông Nguyễn Thành L và bà Phan Thị T trả cho Công ty TNHH T số tiền gốc là 265.950.000 đồng, số tiền lãi là 11.768.000 đồng, tổng cộng là 277.718.000 đồng.

[2.5] Trường hợp chậm bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc ông Nguyễn Thành L và bà Phan Thị T liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại tạm ứng án phí cho Công ty TNHH T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 161 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, 440 và Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T đối với ông Nguyễn Thành L và bà Phan Thị T về tranh chấp hợp đồng mua bán.

Buộc ông Nguyễn Thành L và bà Phan Thị T có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Công ty TNHH T số tiền gốc là 265.950.000 đồng, số tiền lãi là 11.768.000 đồng, tổng cộng là 277.718.000 đồng (hai trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm mười tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Thành L và bà Phan Thị T liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 13.886.000 đồng. Hoàn trả cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí là 9.354.500 đồng tại biên lai số 0008035 ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Lộc